

Hoa mai trong thơ cổ điển của Trung Quốc

ĐINH THỊ HƯƠNG

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Hoa mai là một trong số các loài hoa xuất hiện nhiều trong tình thi họa ý. Đặc biệt trong thi ca Trung Quốc, hoa mai được các tác giả dành rất nhiều ưu ái. Hoa mai được coi là bách hoa khôi. Nếu phải xếp thứ tự các loài hoa thì hoa mai bao giờ cũng đứng đầu bảng. Có nhiều lí do để hoa mai chiếm vị trí độc tôn này. Trước hết, hoa mai là hình ảnh của mùa xuân. Thấy hoa là thấy xuân. Hơn nữa, hoa mai còn là loài hoa thường nở sớm hơn bất kỳ loài hoa nào khác. Ngay cả trong những ngày lạnh giá của mùa đông, hoa mai vẫn có thể nở. Vì thế, các thi nhân rất thích vịnh *tảo mai*. Có thể nói, người vịnh *tảo mai* đầu tiên trong văn học Trung Quốc là nhà thơ Hà Tốn⁽¹⁾ (? – 518) thời Nam Triều. Từ đây mở ra phong khí vịnh *tảo mai* cho các thi nhân đời Đường và đời Tống⁽²⁾. Trương Vị (? – 777), tự Chính Ngôn, thi nhân thời Thịnh Đường đã viết về *tảo mai* như sau:

Bất tri cận thủy tiên hoa phát
Nghị thị kinh đông tuyết vị tiêu
(Tảo mai)⁽³⁾

(Không biết rằng gần nước thì hoa nở sớm, ngỡ rằng đông tuyết còn chưa tiêu)

Chính khoảnh khắc nghi ngờ “tuyết vị tiêu” ấy đã chứng minh cho phẩm chất nở sớm của mai, làm rõ nhan đề⁽⁴⁾ *tảo mai* của bài thơ.

Tê Kỳ, thi nhân và cũng là nhà sư thời Văn Đường, đã từng bưng ngộ trước phẩm chất ngạo hàn của một nhánh mai:

Vạn mộc đồng dục chiết
Cô căn noãn độc hồi
Tiên thôn thâm tuyết lý
Tạc dạ nhất chi khai
Phong thế u hương xuất
Cầm khuy tố diễm lai
Minh niên như ứng luật
Tiên phát vọng xuân đài

(Tảo mai)⁽⁵⁾

Dịch nghĩa:

Hàng vạn cây lạnh cóng gần như sắp gãy gục
Chỉ riêng ở một góc hơi ấm đã quay về
Thôn trước chìm trong tuyết âm u
Đêm qua một cành hoa nở
Gió truyền đi hương thơm kín đáo

Chim đã nhìn trộm thấy vẻ đẹp trắng trong trở lại

Sang năm cứ theo luật tạo hoá
Mà nở ở trước Vọng xuân dài.

Mai nở sớm thì chỉ cần *nhất chi* ⁽⁶⁾ là đủ. Chỉ cần *nhất chi* đã thấy cả mùa xuân viên mãn. Không chỉ là sứ giả báo tin xuân, dưới cái nhìn giác ngộ đầy thâm viễn của các thiền sư, hoa mai đã trở thành biểu tượng của sự vĩnh hằng, bất biến. Quá khứ, hiện tại, tương lai chỉ là một. Hôm qua, hôm nay, ngày mai đều tồn tại trong *nhất chi* này. Mai trong tuyết nở, mai trong tâm khai. Các thiền sư không chỉ nhìn bằng thị giác mà còn nhìn bằng tâm. Khi cái Tâm đã giữ được sự bình thản trước quy luật di diệt thì vạn vật trước mắt đều có thể vĩnh hằng. Ngoài hoa sen thì hoa mai là loài hoa được các thiền sư vọng bái nhiều hơn cả. Thi Phật Vương Duy (701 – 761) khi gặp người bạn từ quê cũ đến đã không quên hỏi một điều rằng cây mai lạnh trước cửa sổ nay đã nở hoa chưa.

Quân tự cố hương lai
Ứng tri cố hương sự
Lại nhật ý song tiên
Hàn mai trước hoa vị?

(Tập thi) ⁽⁷⁾

Thi nhân phải biết chắc chắn rằng người bạn phải rất chú ý cây hoa mai trước cửa thì mới hỏi bạn như thế. Hỏi hoa tức là hỏi người. Hoa là người, người là hoa. Những người biết trân trọng cốt cách của hoa mai cũng là những người biết trân trọng tình bằng hữu. Không ít các tao nhân mặc khách

đã từng coi mai là bạn cũ, hạc là người quen. Lâm Bô (967 – 1028), tức Lâm Hoà Tĩnh, người Tiền Đường (Hàng Châu) đời Tống, có tài mà không chịu làm quan, ở ẩn trên núi Cô Sơn, bạn cùng hoa mai và chim hạc. Ông đã có những câu thơ miêu tả hoa mai vừa giản dị, vừa thanh tao tú lệ:

Sơ ảnh hoành tà thuỷ thanh thiển
Ám hương phù động nguyệt hoàng hôn
Sương cầm dục há tiên thâu nhãn
Phấn điệp như tri dục đoạn hồn
(*Sơn viên tiểu mai*)⁽⁸⁾

Dịch nghĩa:

Bóng thưa của hoa vắt ngang làn nước biếc

Hương thâm của hoa làm lay động bóng trăng chiều

Cánh chim trong sương (chiều) muốn hạ còn e ngại

Cánh bướm như hay biết nên hôn cũng ngẩn ngơ theo.

Ẩn sĩ vẫn thường cùng hoa mai và sương cầm (ở đây là loài bạch hạc) sống cảnh *mai thê hạc tử*. Tất cả đều mang phong vận thần tiên, thanh nhàn phiêu dật. Làn nước trong nông, bóng mai thưa gầy, hương mai lẩn khuất, trăng mờ hạc trắng. Thật là nơi rong chơi của bậc cao sĩ. Người đời sau cho rằng “*Mai lầy Hoà Tĩnh làm tri kỷ*” quả không sai.

Lục Du (1125-1210) hiệu Phóng Ông, thi nhân đời Nam Tống, đã dành một vị trí rất ưu ái trong thơ cho hoa mai, mặc dù trong thơ ông chẳng gốc cây ngọn cỏ nào lại không có. Bài thơ *Mai hoa tuyết cú*⁽⁹⁾ đã miêu tả bạch mai như sau:

Văn đạo mai hoa sách hiểu phong
 Tuyết đồi biên mấn tứ sơn trung
 Hà phương khả hoá thân thiên vạn
 Nhất thụ mai hoa nhất Phóng Ông

Dịch nghĩa: Nghe nói gió sớm về thì hoa mai nở, trắng như tuyết phủ khắp bốn quả núi xung quanh. Có cách nào để thân này hoá thành nghìn vạn, để dưới mỗi gốc mai đều có một Phóng Ông.

Như thế nghĩa là Lục thi nhân cũng chỉ thích ngồi dưới bóng mai mà thôi. Tương truyền rằng, cuối cuộc đời ông vẫn thường xuyên trở lại *Thảm viên*, nơi có hoa mai và người ngọc đã một thời mà ông tha thiết. Mặc dù ông biết người cũ không còn nhưng thấy mai cũng như được thấy người, ông đã viết bài thơ *Thảm viên* với những câu thơ đầy thương hoa tiếc ngọc:

Thành nam tiểu mạch hựu phùng xuân
 Chỉ kiến mai hoa bất kiến nhân
 Ngọc cốt dĩ thành tuyên hạ thổ
 Mặc ngân do toả bích gian trần ⁽¹⁰⁾

Dịch thơ:

*Đường thành nay lại gặp xuân rồi
 Chỉ thấy mai hoa chẳng thấy người
 Xương ngọc đã thành bùn dưới suối
 Bụi tường còn khoá mực pha phơi.*

(Trần Trọng San dịch)

Đến viếng người và đến để thăm mai. Vì viếng người mà thăm mai, vì có mai mà viếng được người. Đúng là nếu lấy lòng yêu người mà yêu hoa thì thêm lòng nâng niu, thương tiếc vậy.

Như thế có thể thấy mai cũng chiếm vị trí quan trọng thế nào trong lòng thi

nhân. Cho dù là lúc dưới trăng trước chén, hay là lúc lữ thứ sâu miên, hoa mai vẫn có thể là một thứ giao tình cùng tao nhân mặc khách. Chẳng thế mà Lý Thương Ẩn, thi nhân thời Văn Đường, trong khi mang nỗi thương tâm về kiếp đời tha hương dằng dặc, nhìn hàn mai khai hoa nơi đất khách mà mà *ức mai* quê cũ:

Định định trú thiên nhai
 Y y hướng vật hoa
 Hàn mai tối kham hận
 Trường tác khứ niên hoa

(Ức mai)

Vọng bái mai hoa như thế, chỉ có thể ở cốt cách những con người cao khiết. Cùng với thâm ý về sự vĩnh hằng, hoa mai còn là biểu tượng của sự thanh tao, cao khiết. Đó là loài hoa mà “ngọc tuyết vi cốt, băng vi hồn” (*Ngọc tuyết làm xương, băng làm hồn* - Tô Đông Pha). Có lẽ chính bởi cái cốt cách tuyết ngọc như thế mà hoa mai vẫn có thể khoe sắc nơi sương mù chướng khí. Cái phong vận thần tiên của hoa mai quả là không mấy loài hoa sánh được. Vì thế, mai sẵn sàng đứng trơ vờ nơi mây ngàn hạc nội chứ không cam tâm đứng cùng loài thảo mộc tầm thường. Nếu có sánh thì cũng phải sánh với tùng, với trúc. Người xưa cho rằng ba người bạn mùa đông là *mai, tùng, trúc*. Ngay cả với những loài hoa mùa xuân như đào lý, mai cũng ít khi sánh cùng. Khí cốt của mai hao gầy mà cương nghị, thần thái của mai nhẹ nhàng mà kiên định. Lá trút mà không héo, hoa tàn mà không phai. Mai chẳng như đào, đào nở rộ đầy cành mà chẳng

mấy bữa hồng phai hương lạt (có lẽ vì lí do này mà các nhà thơ thiên gần như không bao giờ nói đến hoa đào mặc dù hoa đào cũng là biểu tượng mùa xuân). Mai nở chẳng cần lá trợ trợ màu, ánh dương phủ sắc. Mai tàn chẳng cần người khóc mướn thương vay. Hồn mai sẵn mang phong vận thần tiên, xác rã thì hồn về nơi thái hư ảo cảnh. Bạc cao nhân cũng vậy. Không đua chen nơi vòng danh lợi, cứ lặng lẽ nơi am thảo điền viên, nơi thâm sơn cùng cốc, không gì làm lay chuyển, không gì làm ô danh. Sự tồn tại hay ra đi đều rất nhẹ nhàng, lặng lẽ.

Hoa mai còn đáng quý vì đó là loại “ám hương”, “u hương” (hương ngậm, hương ản). Chính vì thế thường chỉ những bậc cao nhân mới cảm nhận được hương mai. Khi cái tâm không vọng động vì danh lợi thì thần thức mới cảm được ám hương. Mai lại thường khai giữa đêm hàn. Không có khát vọng được bái hoa mai thì không dễ gì có thú *đạp tuyết tầm mai*. Chỉ có trong đêm tuyết thì mới có thể hưởng được mùi hương u ản, cảm được sự xuất hiện đột ngột của đoá mai. Đúng như một vị thiền sư đời Đường là Tổ Hoàng Bá đã nói :

Bất thụ nhất phiên hàn triệt cốt

Chấm đặc mai hoa phác tị hương

(Nếu không có một bận chịu rét đến tận xương, sao dễ dàng được hưởng hương mai thuần phác).

Lâm Bô mặc dù đã từng quen sống cảnh mai thê hạc tử thế mà vẫn giật mình nhận ra sự xuất hiện đột ngột của nhành mai:

Tuyết hậu viên lâm tài bán thụ

Thủy biên ly lạt hốt hoành chi

(Mai hoa) ⁽¹¹⁾

(Sau tuyết vườn trong cây vừa nhú. Bên sông bờ dậu bỗng cành ngang.)

Đã mất công đạp tuyết để tầm mai, thế mà chỉ cần lơ đãng một chút là đã có thể không còn được thấy khoảnh khắc hoa mai nở. Thế mới biết làm bạn với mai đã không dễ, tri kỉ của mai lại càng khó hơn. Mai và cao nhân, ở trên tuyết lạnh, ở dưới trăng ngà, thanh u nhã đạm. Cao nhân tầm mai, *tuyết xâm khấn, hương bén áo*. Thực là cao cách.

Cũng cần phải nói thêm rằng những bậc cao nhã khi đạp tuyết tầm mai thường rất thích tìm những gốc mai già (cổ mai, lão mai) và đương nhiên đó phải là dã mai (mai tự nhiên, hoang dã). Gốc mai càng cổ, càng chứng tỏ mai có sự kinh qua nắng mưa sương tuyết. Nếu dưới gốc mai già có đá cổ kính rêu phong thì càng tốt. Kiếm được cành mai gầy, tặng cố nhân tri kỷ. Nhìn mai thấy cố nhân, thưởng mai nhớ tri kỉ. Chỉ cần *nhất chi* này cũng đã đủ quên bao kì hoa dị thảo. Con mắt của người xưa quả là tinh tế.

Người yêu mai thì cũng thường yêu luôn cả tuyết. Tuyết thì trắng và mai thì thanh khiết. Tuyết tinh thần và mai thì cốt cách. Nhìn tuyết nhớ mai và thưởng mai nhớ tuyết. Nhà thơ Trương Duyệt đời Đường trong bài *U Châu tân tuế* (Năm mới ở U Châu) ⁽¹²⁾ đã viết:

Khứ tuế Kinh Nam mai tự tuyết

Kim niên Kế Bắc tuyết như mai

(Năm ngoái ở Kinh Nam mai trắng tựa tuyết, năm nay ở Kế Bắc tuyết trắng như mai)

Các thi nhân Trung Hoa thường vịnh hồng mai hoặc bạch mai, đặc biệt ưa thích nhất là bạch mai. Bạch mai trắng cũng không kém gì tuyết. Nhưng mai hơn tuyết vì mai có ám hương. Vương An Thạch, thi nhân đời Bắc Tống, đã rất thú vị khi đứng từ xa nhìn màu trắng như tuyết nhưng biết đây là mai chứ không phải tuyết:

Tường giác số chi mai
Lãng hàn độc tự khai
Dao tri bất thị tuyết
Vị hữu ám hương lai

(Mai hoa)⁽¹³⁾

(Góc tường mấy cành mai, tự nở trong giá rét, nhìn xa biết không phải là tuyết, vì có ám hương đến)

Vương Miện (1287-1359), thi gia trú danh đời Nguyên cũng đã miêu tả bạch mai như sau:

Băng tuyết lâm trung trước thủ thân
Bất đồng đào lý hỗn phương trần
Hốt nhiên nhất dạ thanh hương phát
Tán tác càn khôn vạn lý xuân.

(Bạch mai)⁽¹⁴⁾

(Băng tuyết trong rừng phủ khắp thân mai, không cùng đào lý lẫn lộn trên cõi đời. Bỗng nhiên một đêm hương thanh ngát, toả khắp càn khôn vạn dặm xuân).

Rõ ràng, nhờ vào ám hương mà mai đã làm khắp càn khôn vạn lý bừng dậy ý xuân.

Mai không chỉ có *ám hương* mà còn là dạng *sơ ảnh* (bóng thưa), *hoành tà* (cành

ngang), mai không chỉ có cốt cách thanh tao mà còn mang vẻ yêu kiều tú lệ. Không dễ tan tác như hoa đào, cũng không mỏng mảnh như hải đường, hoa mai mỏng mảnh mà bền vững, kiêu diễm mà nhã đạm. Hương sắc và cốt cách của mai khi thì có thể tượng trưng cho cao sĩ, khi thì có thể tượng trưng cho mỹ nhân. Có thể nói, mai là loài hoa duy nhất có được cả hai ý nghĩa tượng trưng này. Hoa mai như vẻ mặt mỹ nhân. Lô Đồng (790 – 835), thi sĩ đời Đường, trong bài *Hữu sở tư*, đã từng ví hoa mai như mỹ nhân:

Khi ta say ở nhà ai
Mặt ai xinh đẹp tươi cười như hoa...
... Một đêm trần trọc tương tư
Thấy hoa mai nở vội ngỡ bóng ai.

(Á Nam Trần Tuấn Khải dịch)

Thông thường, trong thi từ, nếu các tác giả đem so sánh vẻ đẹp của mỹ nhân với các loài hoa thì thế nào cũng cảm thương vì cảnh hoa lạc nhân vong (hoa rơi, người mất). Nhưng riêng đối với hoa mai, họ rất ít khi nói đến cảnh hoa lạc⁽¹⁵⁾, nghĩa là cũng ít khi nói đến cảnh nhân vong. Mỹ nhân ngắm hoa mai cũng không cảm cảnh buồn thương về thân thế. Mai thường khiến người cao nhã chứ ít khi khiến người sầu cảm. Mai thường chỉ soi mình vào dòng nước trong nông lặng lẽ nên mỹ nhân khi ngắm mai sẽ không phải thấy cảnh hoa lạc giữa dòng, tuổi trôi như nước. Và lại, cao sĩ thường ngắm mai trong tuyết, mỹ nhân thường ngắm mai dưới trăng. Ngắm mai dưới trăng thì sẽ không có cảnh gió thổi

tơi bời, hoa rơi lả tả. Bởi đã có trăng thì thường chỉ có gió nhẹ, gió nhẹ không đủ làm hoa mai tan tác nhưng cũng đủ để hương mai thoang thoảng vụn dậm. Người ngọc bên mai, trắng thanh gió mát, quả không thể dễ dàng dùng lời mà tả được, nhưng đúng là đã đủ để làm ngỡ ngẩn mộng hồn và đảo điên thần tú.

Mai đúng là loài mà khiến cho người ta phải *nhất sinh đê thủ bái*⁽¹⁵⁾, là loài ngạo cốt mà không ngạo tâm. Bạc cao nhã mới cất công tầm mai, tầm được mai càng thêm cao nhã. Có mai, có tuyết, có thơ thì đâu còn cần đến những thú vui say sưa chệnh choáng nữa. Làm thơ vịnh mai tuyết, vừa là lạc thú, vừa là cách để tu tâm dưỡng tính ở đời. Bên mai thổi trúc, gọi người ngọc dậy, đó cũng là cảnh mỹ lệ lạ thường cho mỹ nhân và thi nhân vậy.

Nói đi nói lại vẫn không sao điểm hết được những danh cú vịnh mai. Ngoài thi từ, hoa mai còn hiện diện trong hội họa, thư pháp, âm nhạc, võ thuật, bonsai... Ngẫm thấy xưa nay trong thế cuộc nhân sinh, các loài hoa vẫn là thứ được nâng niu trân trọng và thưởng ngoạn nhiều nhất, nhưng đôi khi đó cũng là loài mà người ta có thể hắt hủi nhiều nhất. Với mai hoa cũng thế. *Sơ ảnh, hoành tà* đôi khi cũng trở thành *cúi*⁽¹⁶⁾ khô nếu gặp kẻ tiêu phu trong cơn bĩ cực. *Ám hương, tuyết ngọc* cũng trở nên vô vị trước kẻ phàm phu tục tử không gặp lúc thái lai. Suy đi tính lại, chỉ có thi nhân hay những bậc cao nhã mới chung thủy với mai. Cũng may rằng, thi nhân đời nào

cũng có, cao nhã đời nào cũng còn. Vậy nên, mai không đến nỗi phải tủi phải hổ, không đến nỗi phải *nhất khứ bất phục phản*⁽¹⁷⁾ bao giờ.

CHÚ THÍCH:

(1) Hà Tốn, tự Trọng Ngôn, người Sơn Đông, 8 tuổi biết làm thơ, nay còn lưu lại *Hà thủy bộ tập*. Trong bài thơ Vịnh táo mai của ông có viết “Thổ viên tiêu vật tự, kinh thời tối thị mai. Hàm sương dương lộ phát, ánh tuyết nghĩ hàn khai” để chỉ phẩm chất cứng cỏi, nở trong sương tuyết của mai. Các nhà thơ đời sau khi viết về mai thường nhắc đến Hà Tốn. Theo *Cổ đại vịnh vật thi tinh tuyển điểm bình* (s đ d).

(2) Đến đời Tống, bắt đầu từ thơ Lâm Bô trở đi, số lượng thơ vịnh mai xuất hiện nhiều như mưa xuân. Hoa mai trở thành đối tượng ngâm vịnh ưa thích nhất của các thi nhân. Trong các sáng tác của Tô Thức, Lục Du, Phạm Thành Đại có một số lượng lớn những bài thơ vịnh mai. Xin xem *Cổ đại vịnh vật thi tinh tuyển điểm bình* (s đ d).

(3) (8) (9) (11) (13) (14) Xin xem *Cổ đại vịnh vật thi tinh tuyển điểm bình* (s đ d).

(4) Thông thường, trong thơ vịnh vật, chỉ có nhan đề mới dùng từ chỉ rõ vịnh cái gì, còn lại trong toàn bài thơ thường không dùng đến từ chỉ cái đó, chỉ dùng những từ khác không trùng với nhan đề để ám chỉ. Các bài thơ vịnh táo mai cũng thế. Trừ nhan đề ra, toàn bộ các câu trong bài đều không dùng đến chữ “táo” hoặc “mai”. Đây cũng là một trong những tiêu chí của thơ vịnh vật.

⁽⁵⁾ Nguyễn Khắc Phi. *Thơ văn cổ Trung Hoa, mảnh đất quen mà lạ*. NXB Giáo dục, 1999, trang 486

⁽⁶⁾ Có lẽ chính bài thơ *Tảo mai* của Tề Kỉ đã ít nhiều gợi hứng cho Thiên sư Mãn Giác trong khi *Cáo tạt thị chúng*. Có khác chăng là Mãn Giác đã thay *tảo mai* bằng *vãn mai* (Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận. Đình tiền tạc dạ nhất chi mai - *Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết. Đêm qua sân trước một nhành mai*).

⁽⁷⁾ Lê Nguyễn Lưu. *Đường thi tuyển dịch, tập 1*. NXB Thuận Hoá 1997, trang 505

⁽¹⁰⁾ Thời trẻ, Lục Du đã từng kết hôn với người em họ (con cậu) là Đường Uyển. Hai người rất tâm đầu ý hợp nhưng thân mẫu của Lục Du không tán thành cuộc hôn nhân này và tìm cách chia rẽ họ. Cuộc hôn nhân tan vỡ. Lục Du lấy vợ khác, Đường Uyển cũng tái giá. Một thời gian sau, hai người gặp nhau ở Thảm viên. Lục Du thương cảm, viết bài từ theo điệu *Thoa đầu phượng* đề lên tường Thảm viên. Sau này, Đường Uyển vì sâu não lâm trọng bệnh mà mất. Những năm cuối đời, Lục Du thường xuyên qua vườn Thảm, nhớ chuyện quá khứ mà viết bài thơ *Thảm viên*. Câu “Mặc ngân do toả bích gian trần” là nói đến việc viết lên tường trước kia.

⁽¹²⁾ Lê Nguyễn Lưu. *Đường thi tuyển dịch, tập 1*. NXB Thuận Hóa, 1997, trang 228.

⁽¹⁵⁾ Các nhà thơ ít khi miêu tả cảnh hoa mai rụng, nếu có thì thường gắn với một khúc nhạc có tên là *mai hoa lạc*. Đây là một khúc sáo của người Khương. Vương Miện trong bài *Mai hoa* có viết: “Tam nguyệt đông phong xuy tuyết tiêu. Hồ

Nam sơn sắc thủy như kiêu. Nhất thanh Khương quản vô nhân kiến. Vô số mai hoa lạc dã kiêu” (Gió xuân thán ba thổi tuyết tiêu. Sắc núi Hồ Nam biếc như lụa mỏng. Một tiếng sáo của người Khương không ai nhìn thấy. Vô số hoa mai rụng xuống cầu). Theo Cổ đại vịnh vật thi tinh tuyển điểm bình (s đ d)

⁽¹⁶⁾ Ý nói “cả đời chỉ cúi đầu trước hoa mai”. Cao Bá Quát có câu: *Thập tải luân giao cầu cổ kiếm. Nhất sinh đề thủ bách mai hoa*

⁽¹⁷⁾ Lấy ý từ thơ của nhà thơ Quách Tấn. Quách Tấn nhân một lần thấy người hàng xóm vất nhành mai hết thời vào xó bếp, thi nhân đã cảm tác rằng: *Trước tết mai là hoa, sau tết mai là củi. Trước bao nhiêu nâng niu, sau bấy nhiêu hất hủi. Nâng niu mai chẳng mừng, hất hủi mai chẳng tủi. Nghìn trước ngẫm nghìn sau, khe trong lòng bóng núi.*

⁽¹⁸⁾ *Nhất khứ bất phục phản*: ý nói “một đi không trở lại”. Thôi Hiệu trong bài *Hoàng hạc lâu* có viết: *Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Nguyễn Lưu. *Đường thi tuyển dịch (2 tập)*. NXB Thuận Hoá, 1997
2. Nam Trân (tuyển). *Thơ Đường (2 tập)*. NXB Văn hoá, 1962
3. Nguyễn Khắc Phi. *Thơ văn cổ Trung Hoa, mảnh đất quen mà lạ*. NXB Giáo dục 1999.
4. Vương Thư Duyệt, Lý Tô Lan, Vương Đức Minh. *Cổ đại vịnh vật thi tinh tuyển điểm bình*. Quảng Tây sư phạm đại học xuất bản xã, 1996.

